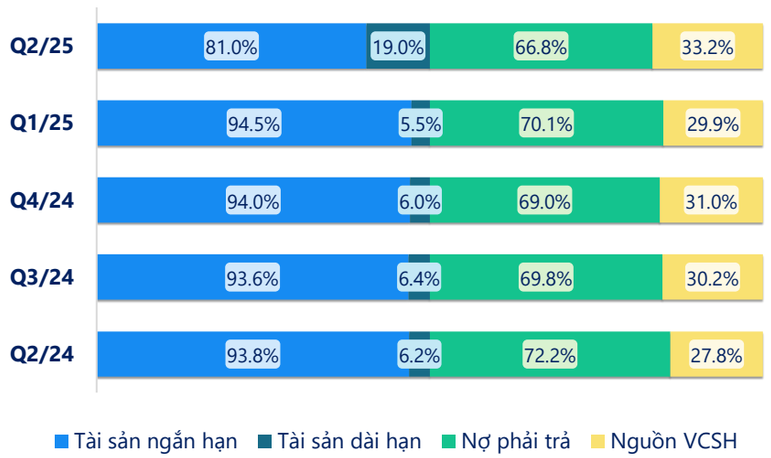
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,561
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	30,491,409
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,675
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
P/E	-13.2
EPS	-544

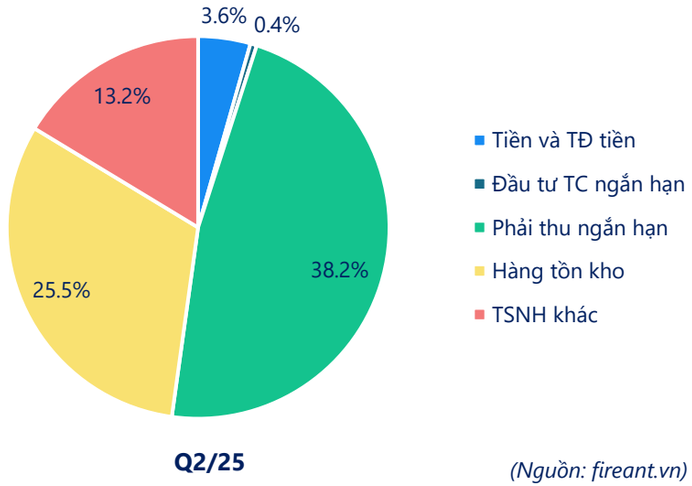
	YTD	1T	3T	6T
SCI	-10.0%	-2.7%	-13.3%	-12.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



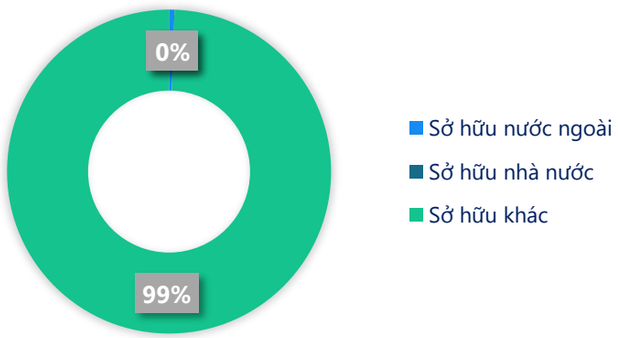
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



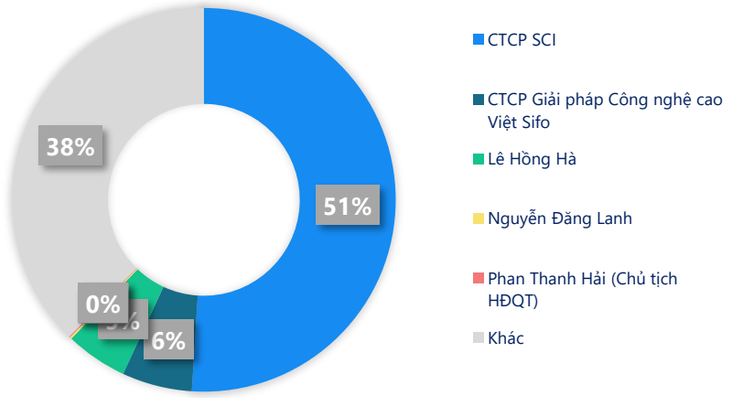
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



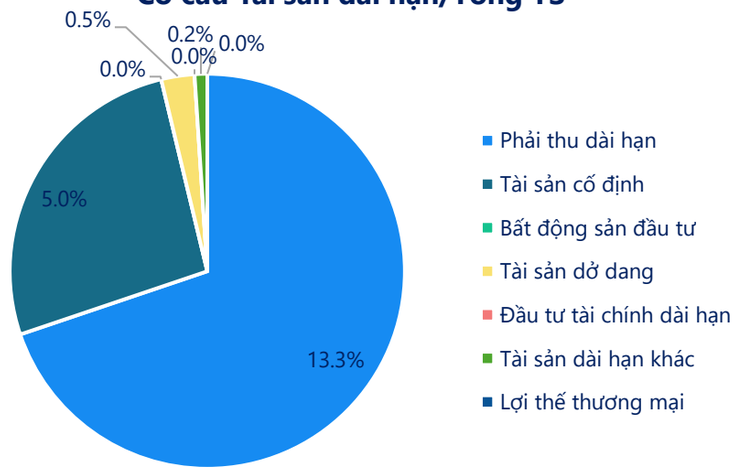
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

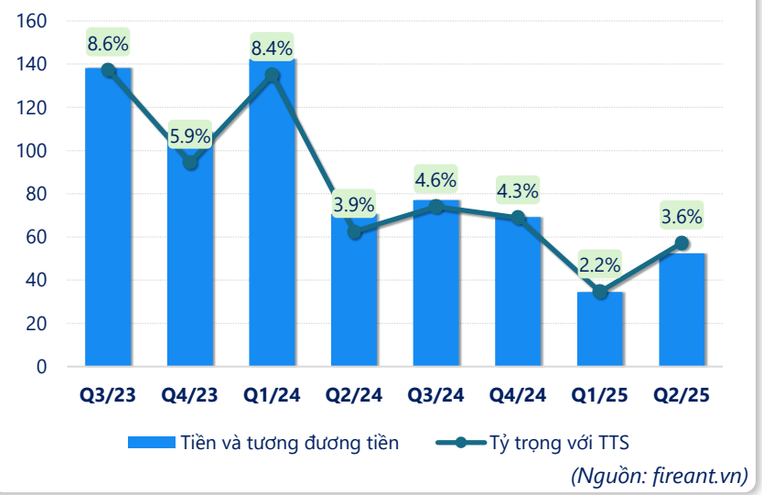


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

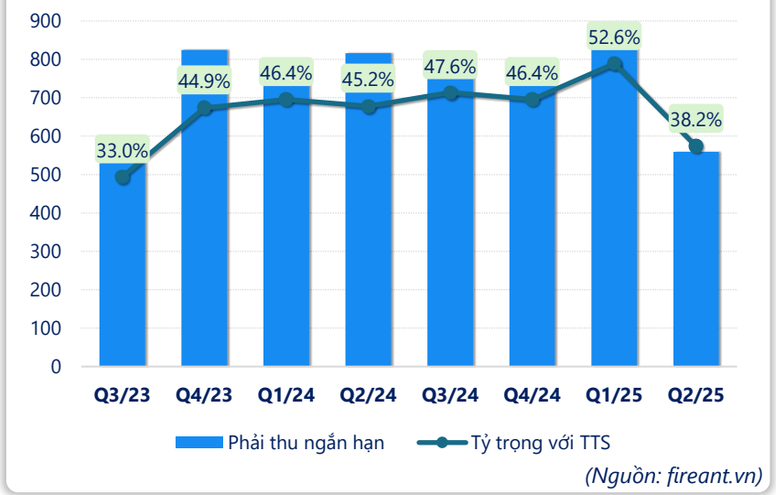
CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Tiền và tương đương tiền



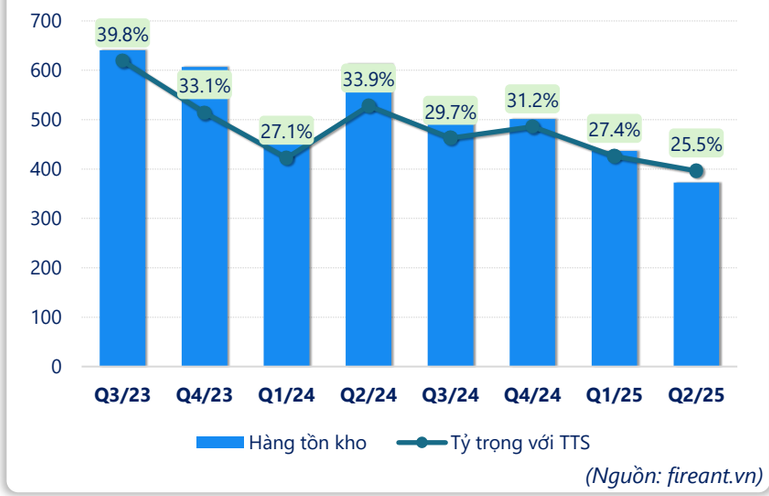
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



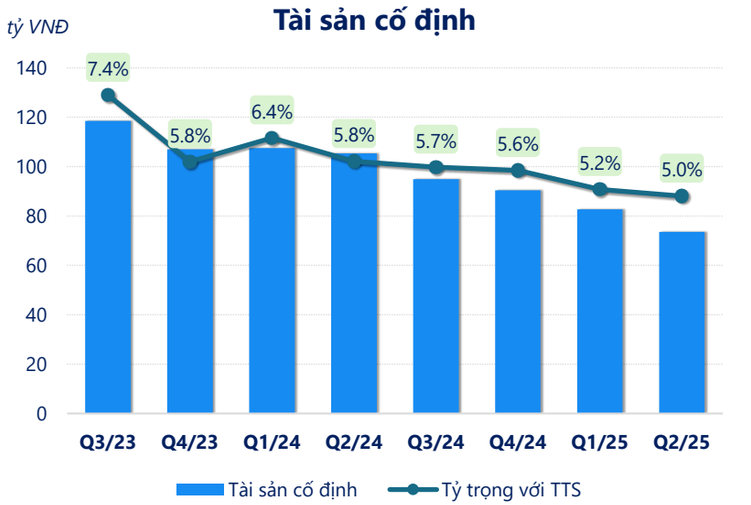
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



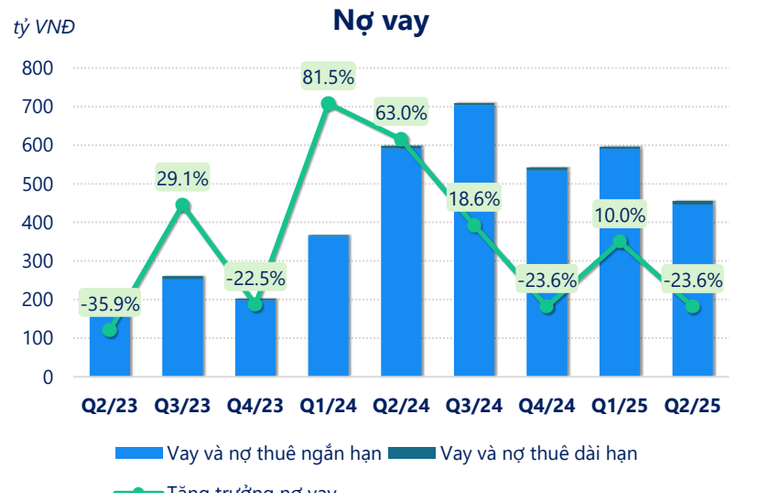
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



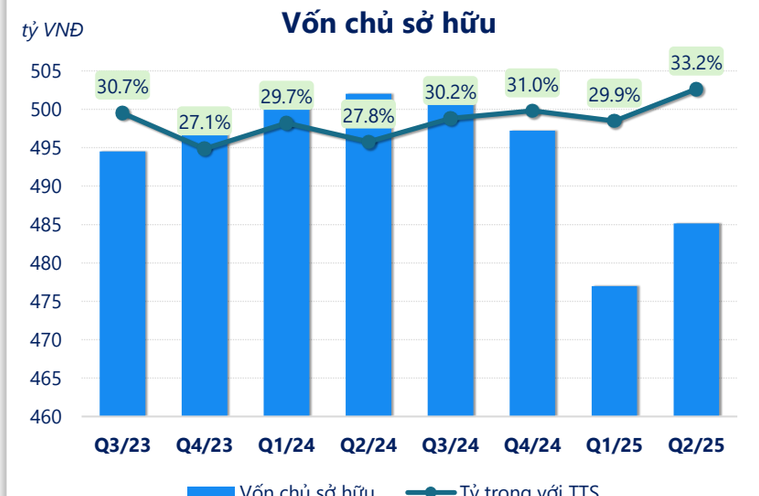
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

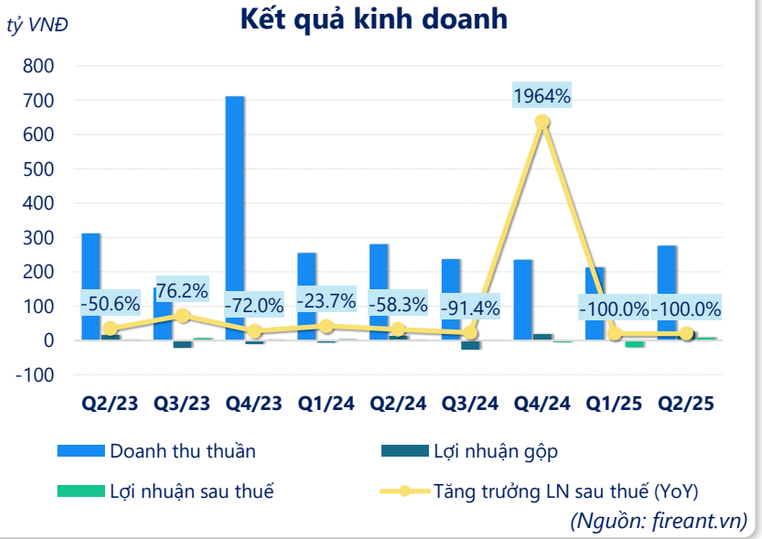
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

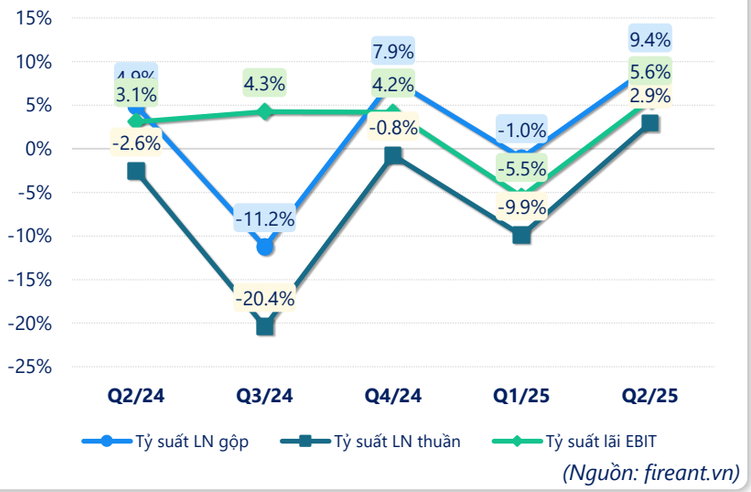
CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Kết quả kinh doanh



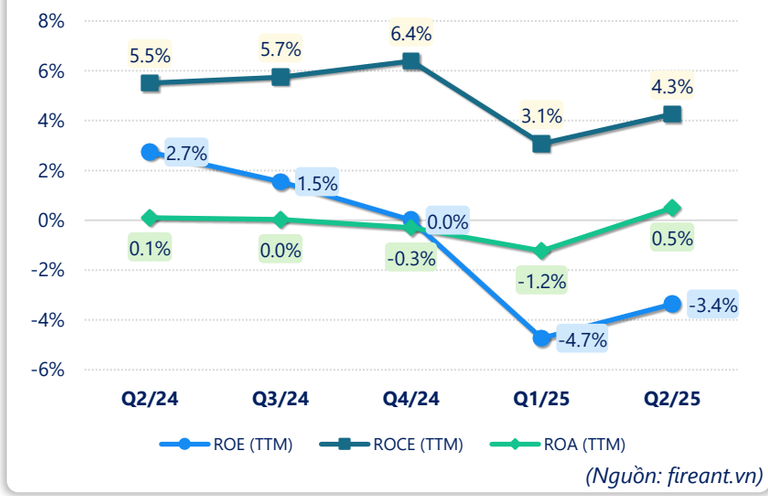
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



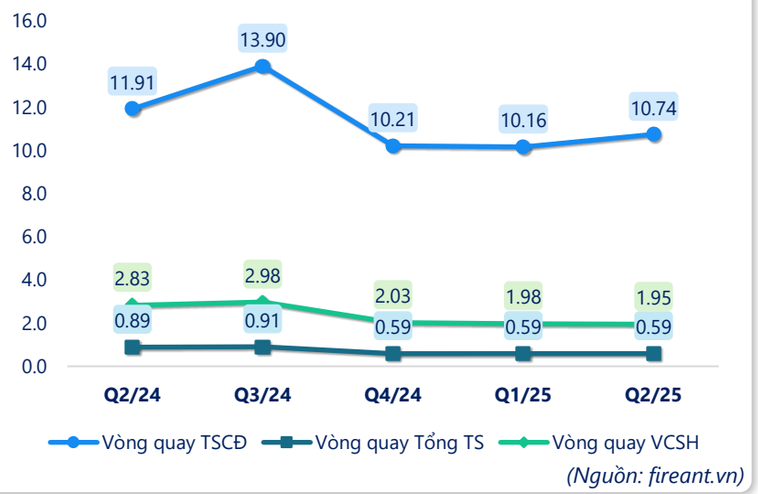
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



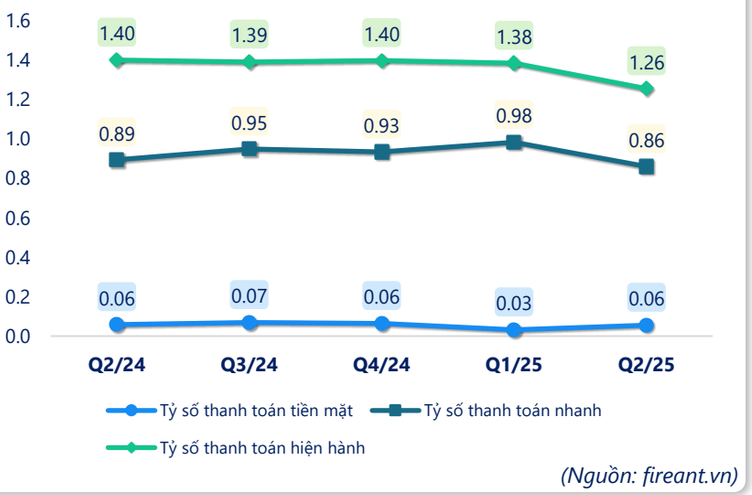
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



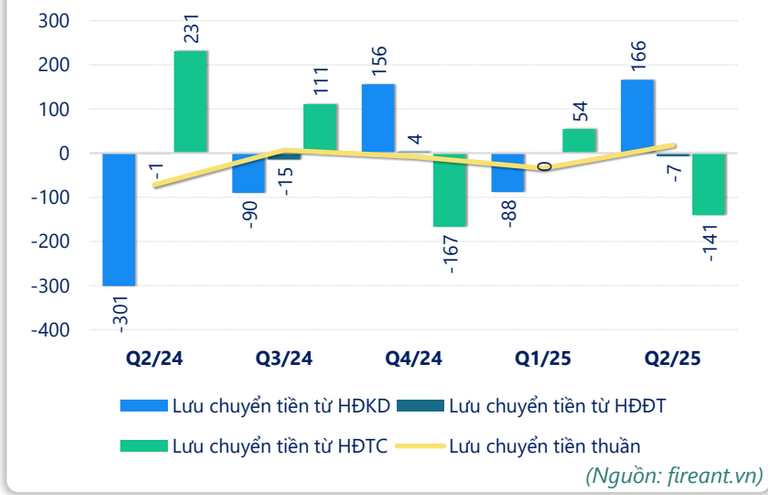
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,463**	**1,606**	**-8.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,184	1,511	-21.6%
Tiền và tương đương tiền	52.4	69.2	-24.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.45	6.30	2.3%
Phải thu ngắn hạn	559	745	-24.9%
Hàng tồn kho	373	501	-25.7%
Tài sản ngắn hạn khác	193	189	2.4%
Tài sản dài hạn	**278**	**95.7**	**191%**
Phải thu dài hạn	194	1.24	15516%
Tài sản cố định	73.6	90.4	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.58	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.87**	**4.03**	**-28.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	977	1,109	-11.9%
Nợ ngắn hạn	**943**	**1,081**	**-12.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	446	535	-16.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	178	-20.8%
Nợ dài hạn	34.2	28.2	21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.31	7.18	29.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**485**	**497**	**-2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**485**	**497**	**-2.4%**
Vốn điều lệ	305	305	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	281	237	235	213	276
Giá vốn hàng bán	267	263	217	215	250
Lợi nhuận gộp	13.8	-26.6	18.7	-2.21	25.8
Doanh thu HĐTC	1.40	2.89	4.12	3.31	6.89
Chi phí TC	8.23	10.6	8.64	10.3	11.1
Chi phí lãi vay	6.58	9.41	9.00	8.38	7.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	14.2	14.0	15.9	11.9	13.5
LN thuần từ HĐKD	-7.21	-48.3	-1.77	-21.1	8.11
Lợi nhuận khác	9.30	48.9	2.66	1.04	0.04
LN trước thuế	2.10	0.65	0.89	-20.1	8.14
Lợi nhuận sau thuế	1.61	0.50	-5.18	-20.1	8.14
LNST của CĐ cty mẹ	1.61	0.50	-5.18	-20.1	8.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-301	-90.1	156	-88.5	166
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.27	-14.6	3.69	-0.40	-7.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	231	111	-167	54.2	-141
Tiền đầu kỳ	142	70.6	77.0	69.2	34.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-71.5**	**6.35**	**-7.68**	**-34.7**	**17.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.22	0.06	-0.21	0.00	0.08
Tiền cuối kỳ	70.6	77.0	69.2	34.5	52.4

(Nguồn: fireant.vn)